TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày 24 – 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hòa - Kiểm Sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Mai Xuân S, sinh năm 1960 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai B và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết), có vợ là bà Nguyễn Thị Kim C và 02 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1996); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2022 đến ngày 14/12/2022, tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 9, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Ông Trương Thế Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 9, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1960; vắng mặt.
Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm 1977; vắng mặt.
Ông Dương Danh Q, sinh năm 1966; vắng mặt.
Bà Trương Thị H, sinh năm 1978; vắng mặt.
Ông Trần Văn H, sinh năm 1963; vắng mặt.
Ông Lê Đăng Q, sinh năm 1986; vắng mặt.
Ông Trần Mai D, sinh năm 1967; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2002, Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ nhận được *"Đơn xin cấp đất"* của một số giáo viên công tác tại các trường học trên địa bàn xã K. Thời điểm này, ông Phạm Minh T1 – nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K (hiện nay đã nghỉ hưu) đồng ý chủ trương cấp đất cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn chưa có nhà ở. Ngày 13/6/2003, Hội đồng nhân dân xã K ban hành Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐ về việc: *"Làm đường, quy hoạch khu dân cư để cấp cho giáo viên công tác trên địa bàn xã K, địa điểm thôn 9, xã K, huyện Đắk R'Lấp"*. Ông T1 chỉ đạo ông Nguyễn Gia T – nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K và ông Nguyễn Trung T2 – nguyên là Công chức Địa chính - Xây dựng xã K tiến hành cắm mốc, phân lô để cấp cho giáo viên. Nhận được chỉ đạo từ ông T1, ông T và ông T2 không tiến hành kiểm tra nguồn gốc, quy hoạch đất mà tiến hành đo đạc, phân thành 21 lô, diện tích trung bình mỗi lô (06x37)m, từ vị trí tiếp giáp hành lang đường dây điện 110KV đến hông Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm thuộc thôn 9, xã K, huyện Đ cho các hộ giáo viên sinh sống trên địa bàn xã K. Sau đó, ông T2 tiến hành bàn giao đất cho các hộ giáo viên, khi giao đất không lập biên bản. Ngoài ra, thông qua quan hệ quen biết, ông T1 chỉ đạo cấp cho 02 hộ không phải là giáo viên gồm ông Lê Văn S – Công an viên thường trực xã K và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1960, trú tại thôn 9, xã K.

Đến cuối năm 2007, Mai Xuân S được chỉ định làm Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ (ông Phạm Minh T1 chuyển công tác). Từ năm 2008 đến năm 2015, Mai Xuân S đã chỉ đạo cấp đất cho 10 hộ dân, trong đó có 05 hộ dân không phải là giáo viên, trái thẩm quyền, vượt quá nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo quy định của Luật Đất đai, cụ thể:

1. Hộ ông Phan Văn N: Vào năm 2009, Mai Xuân S kiểm tra tài chính xã K thì thấy Ủy ban nhân dân xã K còn nợ của ông Phan Văn N, sinh năm 1956, trú tại thôn 9, xã K, huyện Đ số tiền 36.000.000 đồng là tiền đóng bàn ghế cho Ủy ban nhân dân xã. Lúc này, S thỏa thuận với ông N về việc cấp đất cho ông N để trừ khoản nợ trên, ông N đồng ý. Sau đó, S chỉ đạo ông Nguyễn Trung T2 tiến hành đo đạc, bàn giao cho ông N 01 thửa đất thuộc khu vực đất cấp cho giáo viên thuộc thôn 9, xã K (khi bàn giao đất không lập biên bản). S chỉ đạo ông T2 làm thủ tục để ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông T2 đã soạn sẵn mẫu *"Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, ông T2 đưa cho ông N ký dưới phần *"Người viết đơn"*, sau đó ông T2 tự ghi các nội dung trong đơn và xác nhận nguồn gốc đất là *"Khai hoang năm 1997"*. Sau đó, ông T2 trình ông Nguyễn Gia T ký xác nhận. Ông T thấy cán bộ địa chính đã xác nhận, do tin tưởng nên ông T

không kiểm tra hồ sơ mà ký xác nhận dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ"*. Ông T2 hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 148657, mang tên ông Phan Văn N và bà Nguyễn Lý Kim H đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thôn 9, xã K, diện tích 108m^2, cấp ngày 14 tháng 6 năm 2010, do ông Nguyễn Xuân T5 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký cấp. Hiện nay, ông N đã xây nhà ở ổn định trên đất.

2. Hộ ông Đoàn Văn H: Vào năm 2009, do mối quan hệ quen biết, ông Đoàn Văn H, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Kiến Đức – nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đặt vấn đề với S về việc hiện có hoàn cảnh khó khăn, chưa có đất ở. Lúc này, S đồng ý cho ông H một thửa đất. S chỉ đạo ông Nguyễn Trung T2 đo đạc, bàn giao cho ông H 01 thửa đất thuộc khu vực đất cấp cho giáo viên thuộc thôn 9, xã K (khi bàn giao đất không lập biên bản). S chỉ đạo ông T2 làm thủ tục để ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trong thời gian này, ông H bị thất lạc giấy tờ tùy thân nên ông H nhờ ông Lê Đăng L, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953 – là vợ ông L, cùng trú tại thôn 3, xã K (ông L và bà B là người quen của ông H) đứng tên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H nhờ ông L và bà B ký xác nhận dưới mục *"Người viết đơn"* trong *"Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* rồi gửi cho ông T2. Ông T2 biết rõ thửa đất trên không phải của ông H. Tuy nhiên, do có mối quan hệ bạn bè và dưới sự chỉ đạo của S nên ông T2 tự ghi các nội dung trong đơn và xác nhận nguồn gốc đất là *"Khai hoang năm 1997"*. Sau đó, ông T2 trình ông Nguyễn Gia T – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã K ký xác nhận. Ông T thấy cán bộ địa chính đã xác nhận, do tin tưởng nên ông T không kiểm tra hồ sơ mà ký xác nhận dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ"*. Sau đó, ông T2 hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 091874, người sử dụng đất là ông Lê Đăng L và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại thôn 9, xã K, diện tích 140m^2, cấp ngày 28/5/2009. Đến năm 2016, ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên cho bà Lương Thị Bích Tr, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn K với giá 60.000.000 đồng. Đến năm 2018, bà Tr chuyển nhượng cho bà Vũ Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn 9, xã K với giá 90.000.000 đồng. Hiện nay, bà H đang quản lý, sử dụng thửa đất.

3. Hộ bà Lê Thị T6: Năm 2010, Ủy ban nhân dân xã K rà soát những hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã. Qua rà soát, thấy hộ gia đình bà Lê Thị T6, sinh năm 1968, trú tại thôn 9, xã K là người dân tộc thiểu số, chưa có nhà ở, nên Mai Xuân S chỉ đạo địa chính xã cấp cho gia đình bà T6 01 thửa đất. Ngày 16/8/2010, Ủy ban nhân dân xã K đã tiến hành bàn giao cho bà T6 01 thửa đất, diện tích (05x20)m thuộc xã K. Hiện thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Hộ ông Phạm Ngọc D: Vào năm 2015, thông qua quan hệ quen biết, ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1961, trú tại thôn 9, xã K gặp Mai Xuân S để đặt vấn đề với S về việc *"Muốn mua lô đất của Ủy ban nhân dân xã K, tại Khu đất giáo viên thuộc thôn 9, xã K"*, S đồng ý. Sau đó, S chỉ đạo Nguyễn Quốc K – Công chức Địa chính – Xây dựng xã K (hiện nay là Công chức thị trấn K), tiến hành đo đạc, kiểm tra phần

đất (từ nhà cô giáo Vũ Thị H - là giáo viên được Ủy ban nhân dân xã K cấp đất trước đó, về hướng thị trấn Kiến Đức), địa chỉ đất thuộc thôn 9, xã K. Sau đó, ông K đã tiến hành đo đạc và báo cáo S về việc *"Khu đất này còn một thửa đất nhưng chiều sâu bị hẹp dần về hướng thị trấn K như hình tam giác"*. Khoảng 01 tháng sau, ông D đến Ủy ban nhân dân xã K. Tại phòng làm việc của S, S đồng ý bán thửa đất cho ông D với giá 30.000.000 đồng, S hứa hẹn sẽ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D . Sau đó, S chỉ đạo Nguyễn Quốc K giao đất cho ông D một lô đất (chiều ngang giáp đường là 06m, dài khoảng 30m). Khoảng 01 – 02 tháng sau, tại phòng làm việc của S, ông D đưa cho S số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng nhận từ ông D, S không lập phiếu thu, không nhập vào ngân sách của Ủy ban nhân dân xã mà cất giữ riêng. Khoảng 01 đến 02 tuần sau, S đến tiệm máy tính thuộc thị xã G (không rõ địa chỉ, nay là thành phố G) mua 04 máy vi tính xách tay, mỗi máy tính trị giá khoảng 7.400.000 đồng, không có hóa đơn, chứng từ gì kèm theo. Sau đó, S mang về Ủy ban nhân dân xã K giao cho ông Lê Đăng Q – Phó Công an xã K (hiện nay là Xã đội phó xã K); bà Trương Thị H – Công chức Tư pháp xã K (hiện nay là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K); ông Nguyễn Gia T – Phó Bí thư Đảng ủy xã K (hiện nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K); ông Trần Văn H – Phó Chủ tịch UBND xã K (hiện nay đã nghỉ việc) mỗi người 01 máy vi tính xách tay để làm việc. Khi giao nhận không lập biên bản gì, cũng không đưa vào tài sản công để quản lý. S nói số máy tính trên là do xã hội hóa, được tặng nhưng không nói ai tặng.

Sau khi mua đất, gia đình ông D không canh tác hay sử dụng đất. Đến khoảng năm 2017, ông D cùng vợ đến thửa đất trên, thấy trên thửa đất có biển bán đất (người đề biển là bà Lương Thị Bích Tr, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện Đ). Ông D tìm gặp bà Tr. Bà Tr đưa cho ông D xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 605425, mang tên Lương Thị Bích Tr, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/6/2016.

Kết quả điều tra xác định: Thửa đất mà S giao cho ông D trùng với thửa đất số 176 mà S cho ông Đoàn Văn H vào năm 2009. Đến năm 2016, ông H chuyển nhượng cho bà Lương Thị Bích Tr. S khai nhận thời điểm S giao đất cho ông D, S không biết thửa đất này trùng với thửa đất mà S cho ông Đoàn Văn H, vì thời điểm trước đó S chỉ đạo ông T2 – công chức Địa chính – Xây dựng giao đất, ông S không biết cụ thể vị trí.

5. Hộ ông Trương Thế Đ: Sau thời gian S chỉ đạo giao đất cho ông D khoảng 01 tháng, ông Trương Thế Đ, sinh năm 1975, trú tại thôn 9, xã K gặp và đặt vấn đề với S về việc *"Muốn mua lô đất của Ủy ban nhân dân xã K tại Khu đất giáo viên"* thuộc thôn 9, xã K. S đồng ý bán. S nói với ông Đông: *"Bây giờ còn một lô vừa ngắn, vừa hẹp, bán với giá ba mươi triệu"*, ông Đ đồng ý mua. S hứa hẹn sẽ làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đông. Sau đó, S chỉ đạo Nguyễn Quốc K tiến hành giao đất cho ông Đ 01 lô đất (chiều ngang 32m, hẹp dần về đuôi). Khoảng 01 tháng sau, ông Đ đến phòng làm việc của S tại Ủy ban nhân dân xã K, ông Đ đưa cho S số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng này, S không lập phiếu thu, không nhập vào ngân sách của Ủy ban nhân dân xã mà cất giữ riêng. Sau đó, S đưa cho ông Trần Mai

D – Nguyên thôn trưởng thôn 9, xã K số tiền 10.000.000 đồng, S nói: *"Cho thôn để hỗ trợ làm sân bóng chuyền và cổng chào thôn 9"*. Số tiền còn lại S sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến ngày 20/02/2022, ông Dương Danh Q là người có đất canh tác tại khu vực trên, phát hiện Ủy ban nhân dân xã K cấp đất cho 05 hộ không phải là giáo viên, chồng lấn lên đất của ông Q, nên đã làm đơn trình báo lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp để tiến hành xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Kết quả kiểm tra thực địa:**

Ngày 11/3/2022 và ngày 22/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Ủy ban nhân dân xã K và những người có liên quan tiến hành kiểm tra thực địa khu vực đất trên. Kết quả xác định:

Khu vực đất được Ủy ban nhân dân xã K cấp đất tọa lạc tại thôn 9, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khu vực đất có các hướng tiếp giáp như sau: Hướng Đông tiếp giáp với bờ vực đất âm và đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) thuộc thôn 9, xã K; Hướng Tây tiếp giáp đường bê tông nông thôn; Hướng Nam tiếp giáp với đất của ông Võ Văn P (sinh năm 1970, trú tại: Đội 2, thôn Lộc Hà, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình); Hướng Bắc tiếp giáp với đường bê tông nông thôn và đất của gia đình ông Dương Danh Q (sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp).

Trên đất có đường dây điện 110KV cắt ngang qua theo hướng Đông – Tây.

Tiến hành xác minh thực địa theo hướng từ hướng Nam về hướng Bắc, kết quả ghi nhận có 34 thửa. Tổng diện tích 34 thửa đất là 7.018,2m^2.

- Đối với thửa đất S giao cho ông D có diện tích 154,1m^2.
- Đối với thửa đất S giao cho ông Đ có diện tích 498,8m^2.

*** Kết quả xác minh nguồn gốc đất:**

Kết quả đối chiếu với các tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã K, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đ. Kết quả:

Kết quả xác minh, đối chiếu với Tờ bản đồ địa chính số 23, xã K, Bản đồ đo đạc năm 1995 và Sổ Mục kê, xác định: Từ thửa đất số 1 đến thửa đất số 7 (sơ đồ kiểm tra thực địa) nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ địa chính số 23, sổ mục kê thể hiện tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H. Từ thửa số 8 đến thửa số 15 (sơ đồ kiểm tra thực địa) nằm trong thửa đất số 58a, tờ bản đồ số 23, sổ mục kê không thể hiện chủ sử dụng đất. Từ thửa đất số 15 đến thửa đất số 34 (bao gồm các thửa đất mà Mai Xuân S cấp cho các hộ không phải là giáo viên là hộ Phan Văn N, Đoàn Văn H, Lê Thị Thúy, Phạm Ngọc D, Trương Thế Đ) nằm trong thửa đất số 21b, tờ bản đồ số 23, sổ mục kê thể hiện tên chủ sử dụng đất là ông Dương Danh Q.

Tiến hành xác minh các hộ dân số lâu năm xung quanh khu vực cấp đất cho giáo viên: Thửa đất mà Ủy ban nhân dân xã K cấp cho các giáo viên có nguồn gốc của gia đình ông Dương Danh Q, sử dụng từ trước năm 1995, quá trình sử dụng không phát sinh tranh chấp với ai.

*** Kết quả xác minh tại Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã K:**

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ tài liệu được lưu trữ tại Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã K xác định: Không có tài liệu phản ánh việc họp, bàn về việc *"Giao đất cho một số hộ không phải là giáo viên đối với khu vực đất cấp cho giáo viên tại thôn 9, xã K"*.

*** Kết quả trưng cầu định giá tài sản:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã trưng cầu định giá tài sản là các thửa đất đã giao, gồm: Thửa đất số 1, diện tích: 219,7m^2; thửa đất số 2, diện tích: 192,7m^2; thửa đất số 3, diện tích 119,1m^2; thửa đất số 4, diện tích: 217,5m^2; thửa đất số 5, diện tích: 211,3m^2; thửa đất số 6, diện tích 212,6m^2; thửa đất số 7, diện tích: 220,9m^2; thửa đất số 8, diện tích: 244,5m^2; thửa đất số 9, diện tích: 234,6m^2; thửa đất số 10 và 11, diện tích: 463,7m^2; thửa đất số 12, diện tích: 211,2m^2; thửa đất số 13, diện tích: 203,1m^2; thửa đất số 14, diện tích: 205,8m^2; thửa đất số 15, diện tích: 197m^2; thửa đất số 16, diện tích: 179,7m^2; thửa đất số 17, diện tích: 143,2m^2; thửa đất số 18, diện tích: 144,3m^2; thửa đất số 19, diện tích: 163,4m^2; thửa đất số 20, diện tích: 189,8m^2, thửa đất số 21, diện tích: 201,5m^2, thửa đất số 22, diện tích: 178,8m^2; thửa đất số 24, diện tích: 171,4m^2; thửa đất số 27, diện tích: 170,7m^2; thửa đất số 28, diện tích: 176,5m^2; thửa đất số 29, diện tích: 153,5m^2; thửa đất số 30, diện tích: 137,1m^2; thửa đất số 31, diện tích: 138,5m^2; thửa đất số 32, diện tích: 192,7m^2 theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã K, huyện Đắk R'Lấp, tờ bản đồ số 48 ngày 22/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ; Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện Đắk R'Lấp, diện tích: 108m^2; Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã K, huyện Đắk R'Lấp, diện tích 140m^2.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLHĐĐG ngày 16/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: Tổng giá trị các thửa đất từ thửa đất từ thửa đất số 01 đến thửa đất số 22 và thửa đất số 24, tại thời điểm định giá năm 2004 là 5.430.960 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KLHĐĐG ngày 10/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ, kết luận: Giá trị các thửa đất, cụ thể:

Thửa đất số 27, tại thời điểm định giá năm 2004 là 1.194.900 đồng.

Thửa đất số 28, tại thời điểm định giá năm 2004 là 1.235.500 đồng.

Thửa đất số 29, tại thời điểm định giá năm 2009 là 1.611.750 đồng.

Thửa đất số 30, tại thời điểm định giá năm 2009 là 1.439.550 đồng.

Thửa đất số 31, tại thời điểm định giá năm 2010 là 1.939.000 đồng.

Thửa đất số 32, tại thời điểm định giá năm 2009 là 2.023.350 đồng.

Thửa đất số 225, tại thời điểm định giá ngày 28/5/2009 là 3.780.000 đồng (cấp cho hộ ông Phan Văn N).

Thửa đất số 176, tại thời điểm định giá ngày 14/6/2010 là 5.560.000 đồng (cấp cho hộ ông Đoàn Văn H).

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-ĐL ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Mai Xuân S về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Xuân S phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 7 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, xử phạt Mai Xuân S từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2022 đến ngày 14/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Ngọc D, Trương Thế Đ đã nhận tiền bồi thường 60.000.000 đồng của bị cáo và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Gia T và ông Nguyễn Quốc K tự lấy tiền cá nhân giao cho chị Phạm Ngọc M (là con gái của ông Phạm Ngọc D), quá trình giải quyết ông T và ông K không yêu cầu nên không để cập giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu đen, CPU Intel Core i3-4005U, 1,7GHz.

Đối với 03 chiếc máy tính xách tay Mai Xuân S cấp cho ông Lê Đăng Q, bà Trương Thị H và bà Trần Văn H, quá trình điều tra không T2 giữ được nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng Mai Xuân S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp. Quá trình điều tra xác định là tiền S đã chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSĐT ngày 06/01/2023 trao trả lại cho ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ.

Đối với Nguyễn Quốc K: Vào năm 2015, Nguyễn Quốc K – Công chức Địa chính – Xây dựng UBND xã K được S chỉ đạo giao đất cho ông Đ và ông D. K đã tiến hành đo đạc, cắm mốc, giao đất cho ông Đ và ông D. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra khu vực đất trên thì K có báo cáo lại cho S biết khu vực đất trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, ông Đ. K không biết việc S nhận tiền của ông Đ, ông D và không được hưởng lợi ích từ việc trên. Do đó, không có căn cứ để xử lý Nguyễn Quốc K.

Đối với hành vi giao đất cho các hộ dân là giáo viên: Tại thời điểm giao đất, ông Phạm Minh T1, ông Nguyễn Gia T và bị cáo Mai Xuân S nhận thức được Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền giao đất. Ông T1, ông T và bị cáo S không kiểm tra quy hoạch, xác minh nguồn gốc đất nhưng vẫn chỉ đạo ông Nguyễn Trung T2 tiến hành đo đạc, giao đất cho 29 hộ dân. Hành vi của ông T1, ông T và bị cáo S đã vi phạm *"Thẩm quyền giao đất"* được quy định tại Điều 3 của Luật Đất đai năm 2003. Cụ thể: Đối với ông Phạm Minh T1, ông Nguyễn Gia T có hành vi giao 23 thửa đất, gồm các thửa đất từ thửa đất số 01 đến thửa đất số 22 và thửa đất số 24, với tổng diện tích: 4.525,8m^2, tại thời điểm giao đất năm

2004, đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền 5.430.960 đồng. Đối với bị cáo Mai Xuân S có hành vi giao thửa đất, gồm các thửa đất từ thửa đất số 27 đến thửa đất số 32, với tổng diện tích: 969 m^2, tại thời điểm giao đất (từ năm 2004 đến 2010), đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền là 9.444.050 đồng. Do đó, hành vi của ông T1, ông T và bị cáo S không đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về quản lý đất đai"* theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đến thời điểm hiện nay theo quy định pháp luật, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết. Vì vậy, không xem xét xử lý.

Đối với hành vi giao đất, hợp thức hóa xác nhận nguồn gốc đất để cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Do muốn ông Phan Văn N xóa khoản nợ tiền đóng bàn ghế cho Ủy ban nhân dân xã và mối quan hệ cá nhân, bị cáo Mai Xuân S và ông Nguyễn Gia T, ông Nguyễn Trung T2 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong xác minh nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 14 Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, vì động cơ cá nhân (mối quan hệ quen biết) và vụ lợi (xóa khoản nợ đóng bàn ghế của ông Phan Văn N), Mai Xuân S và ông Nguyễn Gia T, ông Nguyễn Trung T2 đã làm trái công vụ được giao, không kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất, tự ý xác nhận nguồn gốc đất khai hoang cho 02 đơn xin cấp đất, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại là giá trị quyền sử dụng đất của 02 thửa đất, tại thời điểm Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản, xác định giá trị thửa đất 225 là 3.780.000 đồng và thửa đất số 176 là 5.560.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo S và ông T, ông T2 không cấu thành tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đến thời điểm hiện nay theo quy định pháp luật, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết. Vì vậy, không xem xét xử lý.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của Mai Xuân Tr, sinh năm 1985, trú tại thôn 6, xã K, huyện Đ là nhân viên hợp đồng giao thông thủy lợi thuộc UBND xã K. Năm 2008, Mai Xuân Tr khi được tham gia hỗ trợ cán bộ địa chính, Tr biết được Ủy nhân dân xã K đang có chủ trương cấp đất cho giáo viên thuộc khu vực thôn 9, xã K. Tr tìm hiểu thì biết được tại khu đất cấp cho giáo viên còn 01 thửa đất chưa cấp, Tr tự tìm đến và cắm mốc. Đến ngày 06/3/2012, Tr đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Liên Văn Ph, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện Đ) với giá 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, Tr nói với ông Ph là đất của Tr được Ủy ban nhân dân xã K cấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 4/2017, anh Liên Văn Ph chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ với giá 52.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, mặc dù không được cấp đất, Mai Xuân Tr có hành vi tự nhận chủ sở hữu đất, để bán cho người khác, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của anh Liên Văn Ph. Hành vi trên của Mai Xuân Tr có dấu hiệu

của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Điều 27 của Bộ luật Hình sự năm 2015 hành vi của Mai Xuân Tr đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp có phát hiện hành vi của Nguyễn Quốc K, vào năm 2021 có nhận tiền của 23 hộ dân trong khu vực đất cấp cho giáo viên thuộc thôn 9, xã K đóng góp đưa cho K và nhờ K đóng tiền chi phí đo đạc các thửa đất trên để hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã tách riêng vụ việc trên để tiến hành điều tra, xác minh xử lý trong vụ việc khác, nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào năm 2015, biết Ủy ban nhân dân xã K không có thẩm quyền giao đất theo quy định Luật Đất đai năm 2013, nhưng với chức vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đắk R'Lấp, Mai Xuân S đã có hành vi vượt quá quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao, không kiểm tra, xác minh nguồn gốc, hiện trạng trong khu vực đất tại thôn 9, xã K, đã tiến hành làm thủ tục giao đất trái quy định cho ông Phạm Ngọc D 01 thửa đất, hứa hẹn làm giấy chứng quyền sử dụng đất cho ông D để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của ông D và giao cho ông Trương Thế Đ 01 thửa đất, hứa hẹn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đông để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của ông Đ và sử dụng các số tiền này vào mục đích cá nhân. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Mai Xuân S đã phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

"1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này hoặc đã bị

kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ một năm đến sáu năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ sáu năm đến mười ba năm:

A) Có tổ chức;

...

C) Phạm tội nhiều lần;".

Tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2018) quy định:

1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

a)...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

a)...;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

...".

Do điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2018) có khung hình phạt bằng nhau, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để làm căn cứ áp dụng hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây dư luận không tốt đối với nhân dân địa phương nơi bị cáo cư trú và làm việc.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 60.000.000 đồng; bị hại là ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Đ tặng giấy khen và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông tặng Bằng khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm cũng như các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu đen, CPU Intel Core i3-4005U, 1,7GHz.

Đối với 03 chiếc máy tính xách tay Mai Xuân S cấp cho ông Lê Đăng Q, bà Trương Thị H và ông Trần Văn H, quá trình điều tra không T2 giữ được nên không đề cập xử lý.

[7] Việc bồi thường thiệt hại:

Chấp nhận ngày 06/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSĐT trao trả lại số tiền 60.000.000 đồng của Mai Xuân S đã tự nguyện giao nộp để bồi thường cho ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ. Bị hại ông Phạm Ngọc D, ông Trương Thế Đ đã nhận tiền bồi thường 60.000.000 đồng của bị cáo và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng ông Nguyễn Gia T và ông Nguyễn Quốc K tự lấy tiền cá nhân giao cho chị Phạm Ngọc M (là con gái của ông Phạm Ngọc D), nhưng ông T và ông K không yêu cầu giải quyết nên không để cập xử lý.

[8] Đối với Nguyễn Quốc K: Vào năm 2015, Nguyễn Quốc K – Công chức Địa chính – Xây dựng UBND xã K được S chỉ đạo giao đất cho ông Đ và ông D . K đã tiến hành đo đạc, cắm mốc, giao đất cho ông Đ và ông D. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra khu vực đất trên thì K có báo cáo lại cho S biết khu vực đất trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, ông Đông. K không biết việc S nhận tiền của ông Đ, ông D và không được hưởng lợi ích từ việc trên. Do đó, không có căn cứ để xử lý Nguyễn Quốc K.

Đối với hành vi giao đất cho các hộ dân là giáo viên: Tại thời điểm giao đất, ông Phạm Minh T1, ông Nguyễn Gia T và bị cáo Mai Xuân S nhận thức được Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền giao đất. Ông T1, ông T và bị cáo S không kiểm tra quy hoạch, xác minh nguồn gốc đất nhưng vẫn chỉ đạo ông Nguyễn Trung T2 tiến hành đo đạc, giao đất cho 29 hộ dân. Hành vi của ông T1, ông T và bị cáo S đã vi phạm *"Thẩm quyền giao đất"* được quy định tại Điều 3 của Luật Đất đai năm 2003. Cụ thể: Đối với ông Phạm Minh T1, ông Nguyễn Gia T có hành vi giao 23 thửa đất, gồm các thửa đất từ thửa đất số 01 đến thửa đất số 22 và thửa đất số 24, với tổng diện tích: 4.525,8m^2, tại thời điểm giao đất năm 2004, đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền 5.430.960 đồng. Đối với bị cáo Mai Xuân S có hành vi giao thửa đất, gồm các thửa đất từ thửa đất số

27 đến thửa đất số 32, với tổng diện tích: 969 m^2, tại thời điểm giao đất (từ năm 2004 đến 2010), đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền là 9.444.050 đồng. Do đó, hành vi của ông T1, ông T và bị cáo S không đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về quản lý đất đai"* theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đến thời điểm hiện nay theo quy định pháp luật, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết. Vì vậy, không xem xét xử lý.

Đối với hành vi giao đất, hợp thức hóa xác nhận nguồn gốc đất để cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Do muốn ông Phan Văn N xóa khoản nợ tiền đóng bàn ghế cho Ủy ban nhân dân xã và mối quan hệ cá nhân, bị cáo Mai Xuân S và ông Nguyễn Gia T, ông Nguyễn Trung T2 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong xác minh nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 14 Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, vì động cơ cá nhân (mối quan hệ quen biết*)* và vụ lợi (xóa khoản nợ đóng bàn ghế của ông Phan Văn N), Mai Xuân S và ông Nguyễn Gia T, ông Nguyễn Trung T2 đã làm trái công vụ được giao, không kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất, tự ý xác nhận nguồn gốc đất khai hoang cho 02 đơn xin cấp đất, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại là giá trị quyền sử dụng đất của 02 thửa đất, tại thời điểm Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản, xác định giá trị thửa đất 225 là 3.780.000 đồng và thửa đất số 176 là 5.560.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo S và ông T, ông T2 không cấu thành tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015). Đến thời điểm hiện nay theo quy định pháp luật, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết. Vì vậy, không xem xét xử lý.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của Mai Xuân Tr, sinh năm 1985, trú tại thôn 6, xã K, huyện Đ là nhân viên hợp đồng giao thông thủy lợi thuộc UBND xã K. Năm 2008, Mai Xuân Tr khi được tham gia hỗ trợ cán bộ địa chính, Trí biết được Ủy nhân dân xã K đang có chủ trương cấp đất cho giáo viên thuộc khu vực thôn 9, xã K. Tr tìm hiểu thì biết được tại khu đất cấp cho giáo viên còn 01 thửa đất chưa cấp, Trí tự tìm đến và cắm mốc. Đến ngày 06/3/2012, Tr đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Liên Văn P, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện Đ) với giá 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, Tr nói với ông P là đất của Tr được Ủy ban nhân dân xã K cấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 4/2017, anh Liên Văn P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ với giá 52.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, mặc dù không được cấp đất, Mai Xuân Tr có hành vi tự nhận chủ sở hữu đất, để bán cho người khác, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của anh Liên Văn P. Hành vi trên của Mai Xuân Tr có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự

năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Điều 27 của Bộ luật Hình sự năm 2015 hành vi của Mai Xuân Tr đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp có phát hiện hành vi của Nguyễn Quốc K, vào năm 2021 có nhận tiền của 23 hộ dân trong khu vực đất cấp cho giáo viên thuộc thôn 9, xã K đóng góp đưa cho K và nhờ K đóng tiền chi phí đo đạc các thửa đất trên để hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã tách riêng vụ việc trên để tiến hành điều tra, xác minh xử lý trong vụ việc khác, nên không đề cập xử lý.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo, về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Mai Xuân S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Xuân S phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Mai Xuân S **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2022 đến ngày 14/12/2022.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu đen, CPU Intel Core i3-4005U, 1,7GHz.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp ngày 09 tháng 05 năm 2023).

3. Việc bồi thường thiệt hại:

Chấp nhận ngày 06/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSĐT trao trả lại cho ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ số tiền 60.000.000 đồng của Mai Xuân S đã tự nguyện giao nộp để bồi thường cho ông Phạm Ngọc D và ông Trương Thế Đ. Bị hại ông Phạm Ngọc D, ông Trương Thế Đ đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng ông Nguyễn Gia T và ông Nguyễn Quốc K tự lấy tiền cá nhân giao cho chị Phạm Ngọc M (là con gái của ông Phạm Ngọc D), nhưng ông T và ông K không yêu cầu giải quyết nên không để cập xử lý.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Mai Xuân S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Phòng HS, NV CA huyện Đắk R'Lấp;
- CCTHADS huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.